

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG CỬA NGŨ QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Họ và tên: **Hợp tác xã Vận tải Thống Nhất**

Địa chỉ: **TDP Lương Năng, thị trấn Cát Hải**

Số BB: 768

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		BT đá 1*2 dày 0,2								
		Mặt láng XMC								
	Bán mái	Tôn KL sườn sắt không vì kèo: S=6,5*8,1+8,1*3,5+2,1*2,8								
		Tôn KL sườn sắt có vì kèo: S=3,8*2,2								
	Cột chống	Ống kèo D76: L=3,0*13								
	Hàng rào	Bằng vách tôn KL sườn sắt: S=13,6*1,4+1,7*2,1+13,5*0,7+1,3*2,1	VKT.20110	m2	34,8	321.701	1,00	10%	1.119.198	Xây dựng năm 2004
	Giếng khoan	D48, sâu 6m SL 1 cái		m2	1,0					Xây dựng không xin phép năm 2016. Không BTHT
		BT đá 1*2 dày 0,2	VKT.20020	m3	7,8	7.033.211	1,00	56%	30.721.066	
		Mặt láng XMC	VKT.20043	m2	39,0	54.168	1,00	56%	1.183.029	
	Bán mái	Tôn KL sườn sắt không vì kèo: S=6,5*8,1+8,1*3,5+2,1*2,8	VKT.20147	m2	86,9	379.477	1,00	100%	32.968.962	XD 2004, sửa chữa 2016
		Tôn KL sườn sắt có vì kèo: S=3,8*2,2	VKT.20146	m2	8,4	439.613	1,00	100%	3.675.165	
	Cột chống	Ống kèo D76: L=3,0*13	VKT.20261	md	39,0	365.439	1,00	100%	14.252.121	
	Hàng rào	Bằng vách tôn KL sườn sắt: S=13,6*1,4+1,7*2,1+13,5*0,7+1,3*2,1	VKT.20110	m2	34,8	321.701	1,00	10%	1.119.198	XD 2004
	Giếng khoan	D48, sâu 6m SL 1 cái		m2	1,0					Xây dựng không được phép (năm 2016)
III	Cây cối hoa màu								1.800.000	
1	Cây gạo gai	D90	QĐ 4595	Cây	1,0	520.000	1,00	100%	520.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
2	Phượng	D30	QĐ 4595	Cây	1,0	380.000	1,00	100%	380.000	
3	Xoan	D43	QĐ 4595	Cây	1,0	900.000	1,00	100%	900.000	
4	Chậu cảnh	D50		Cây	20,0					Di chuyển
Cộng tổng									52.464.000	
Nội dung Chính chính										
Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
		BT đá 1*2 dày 0,2								Xây dựng năm 2004. Không phù hợp với nội dung chấp thuận của UBND huyện
		Mặt láng XMC								
	Bán mái	Tôn KL sườn sắt không vì kèo: S=6,5*8,1+8,1*3,5+2,1*2,8								
		Tôn KL sườn sắt có vì kèo: S=3,8*2,2								
	Cột chống	Ống kèo D76: L=3,0*13								
	Hàng rào	Bằng vách tôn KL sườn sắt: S=13,6*1,4+1,7*2,1+13,5*0,7+1,3*2,1	VKT.20110	m2	34,8	321.701	1,00	10%	1.119.198	Xây dựng năm 2004
	Giếng khoan	D48, sâu 6m SL 1 cái		m2	1,0					Xây dựng không xin phép năm 2016. Không BTHT
III	Cây cối hoa màu								1.800.000	
1	Cây gạo gai	D90	QĐ 4595	Cây	1,0	520.000	1,00	100%	520.000	
2	Phượng	D30	QĐ 4595	Cây	1,0	380.000	1,00	100%	380.000	
3	Xoan	D43	QĐ 4595	Cây	1,0	900.000	1,00	100%	900.000	
4	Chậu cảnh	D50		Cây	20,0					Di chuyển
Cộng tổng									52.464.000	